

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 3 - 2026
V/v yêu cầu tuyên bố không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên. Vắng mặt.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 về yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 22/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị C; sinh năm: 1973; CCCD số: 038173003952; nơi cư trú: Thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn B; sinh năm: 1969; CCCD số: 038069013276; nơi cư trú: Thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt bà C, ông B. Bà C đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông B vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị C trình bày: Bà và ông Phạm Văn B đã tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện theo phong tục địa phương từ năm 1994, ông bà chung sống với nhau như vợ chồng tại Thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hoá. Quá trình chung sống, bà và ông B có hai con chung. Sau ngày cưới, bà và ông B chung sống hoà thuận đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình

vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Do thời gian chung sống, ông bà bận công việc, thường xuyên đi làm và không am hiểu pháp luật nên mặc dù chung sống với nhau như vợ chồng đã lâu nhưng vẫn chưa đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông B.

Về con chung: Bà C và ông B có 02 con chung là cháu Phạm Thị P, sinh ngày 16/3/1995 và cháu Phạm Thị Thuý M, sinh ngày 04/01/2005. Hiện các cháu đã thành niên, có khả năng lao động. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm Văn B trình bày: Ông và bà Lê Thị C đã tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện theo phong tục địa phương từ năm 1994. Ông và bà C chung sống hoà thuận từ khi cưới đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Ông bà đã sống ly thân. Do thời gian chung sống, ông bà bận công việc, thường xuyên đi làm và không am hiểu pháp luật nên mặc dù chung sống với nhau như vợ chồng đã lâu nhưng vẫn chưa đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà C.

Về con chung: Ông B và bà C có 02 con chung là cháu Phạm Thị P, sinh ngày 16/3/1995 và cháu Phạm Thị Thuý M, sinh ngày 04/01/2005. Hiện các cháu đã thành niên, có khả năng lao động. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Phạm Văn B, nơi cư trú tại Thôn T, xã K, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 8 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng ông B không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông B theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Ông B đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng ông B đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207

BLTTDS.

Bà Lê Thị C đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Toà án đã triệu tập hợp lệ ông Phạm Văn B lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng ông B vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt bà C, ông B.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị C và ông Phạm Văn B đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1994, chung sống với nhau như vợ chồng và có hai con chung. Bà C và ông B có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Trong cuộc sống, bà C và ông B xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Bà C và ông B đã sống ly thân. Bà C yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông B. Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị C và ông Phạm Văn B.

[3] Về con chung: Bà C và ông B có 02 con chung. Hiện các cháu đã thành niên, có khả năng lao động. Bà C và ông B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản: Bà C, ông B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14; 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị C và ông Phạm Văn B.

2. Về con chung: Bà Lê Thị C và ông Phạm Văn B có 02 con chung là cháu Phạm Thị P, sinh ngày 16/3/1995 và cháu Phạm Thị Thuý M, sinh ngày 04/01/2005. Bà C và ông B không yêu cầu đối với hai cháu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Bà C, ông B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền bà đã nộp tạm ứng

tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0003507 ngày 26/11/2025 và biên lai số 0003508 ngày 27/11/2025. Bà C đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Bà C, ông B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Kiên Thọ;
- THADS cấp tỉnh;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thịnh